

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2017/HSST
Ngày 30 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Thái và bà Trương Thị Hương Nghĩa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thành, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 67/2017/HSST ngày 23 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Hà Minh T, sinh năm 1979; trú tại: Thôn A, xã T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Hà Minh T5 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T6; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 8 năm 2017 đến ngày 12 tháng 8 năm 2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, (có mặt).

2. Trần Văn T1, sinh năm 1972; trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Trần Văn T7 và bà Nguyễn Thị N (đều đã chết) có vợ là Lê Thị B và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 8 năm 2017 đến nay, (có mặt).

3. Trần Minh T2, sinh năm 1981; trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Trần Quang B và bà Nguyễn Thị T8; có vợ là Nguyễn Thị N1 và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 8 năm 2017 đến nay, (có mặt).

4. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1984; trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Nguyễn Văn T9 và bà Trần Thị X; có vợ là Phạm Thị Minh P và có 03 con; tiền

sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 8 năm 2017 đến ngày 12 tháng 8 năm 2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, (có mặt).

5. Lưu Ngọc T4, sinh năm 1981; trú tại: Thôn G, xã T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc; Đảng: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 20 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định số: 51-QĐ/UBKT của Ủy ban kiểm tra thị ủy P; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Cán bộ quản lý Khu du lịch Đại Lải; con ông Lưu Hồng L và bà Lý Thị V; có vợ là Lâm Thị P1 và có 03 con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 8 năm 2017 đến ngày 12 tháng 8 năm 2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, (có mặt).

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Hà Minh T, Trần Văn T1, Trần Minh T2, Nguyễn Văn T3 và Lưu Ngọc T4 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 03 tháng 8 năm 2017, Hà Minh T đến nhà Trần Văn T1 là người quen chơi, khoảng 10 phút sau T đặt vấn đề với T1 cho T và bạn của T đánh bạc tại nhà T1, T1 đồng ý. Sau đó T gọi điện rủ Lưu Ngọc T4 đến nhà T1 uống nước và gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T3 là người quen đến nhà T1 đánh chắn ăn tiền. T3 gọi điện thoại rủ thêm Trần Minh T2 cùng đến nhà T1 đánh bạc. Sau khi các đôi tượng đến thì có thêm Nguyễn Duy Ngọc và Nguyễn Văn T4 đến nhà T1 chơi. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi đã có đủ người, T1 trải chiếu cói đôi tại phòng khách, lấy bài chắn và đĩa sứ có sẵn trong nhà ra để xuống chiếu, Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Văn T4 không chơi, còn Hà Minh T, Lưu Ngọc T4, Trần Minh T2, Nguyễn Văn T3 ngồi xuống chiếu thống nhất đánh “chắn” được thua bằng tiền với mức sát phạt là xuống 2 dịch 1 tức là ù xuống không có cước sắc là 20.000 đồng/người/ván còn nếu ván ù có cước sắc thì mỗi cước sắc cộng thêm 10.000 đồng, nếu ai ù tám đỏ, bạch định, bạch thủ chính cửa thì mỗi người chơi phải trả cho người ù là 100.000 đồng. Mỗi ván ù người ù để lại chiếu 10.000 đồng để sau khi đánh bạc xong đưa cho Tài, đây là tiền thuê mượn địa điểm đánh bạc (tiền hồ). T, T4, T2, T3 dùng bộ bài chắn 100 quân, ván bài chia thành 05 phần, 03 phần có 19 quân, 01 phần có 20 quân cho người đánh đầu đánh trước còn lại một phần có 23 quân làm lọc để trên đĩa sứ. Trong khi chơi nếu người nào bài chắn có 6 chắn trở lên và chắn các cạ gọi là ù. T, T2, T3, T4 đánh bạc liên tục đến 11 giờ 30 phút cùng ngày, lúc này T1 chưa thu được đồng nào tiền hồ thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 8.440.000 đồng, 01 đĩa sứ trắng viền vàng, 01 chiếu cói đôi cũ, 81 quân chắn.

Tạm giữ trên người: của Hà Minh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo, số imei: 868415029170850; của Trần Minh T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4, số Seri: C38G9VQSDPMW; của Nguyễn Văn T3 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, số imei: 353415080950390/01; của Lưu

Ngọc T4 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, số imei 35522808108853/01.

Khi tham gia đánh bạc Hà Minh T có 2.000.000 đồng, Trần Minh T2 có 2.300.000 đồng, Nguyễn Văn T3 có 1.910.000 đồng, Lưu Ngọc T4 có 2.230.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 67/KSĐT-TA ngày 20 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Hà Minh T, Trần Văn T1, Trần Minh T2, Nguyễn Văn T3 và Lưu Ngọc T4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 248; điểm h, p, khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự đối với Hà Minh T và Nguyễn Văn T3; Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; khoản 5 Điều 227 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Trần Văn T1 và Trần Minh T2; Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 30 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lưu Ngọc T4. Xử phạt bị cáo Hà Minh T 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 04 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; phạt bị cáo Trần Văn T1 và Trần Minh T2 mỗi bị cáo 03 tháng 27 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, trả tự do cho bị cáo T1 và bị cáo T2 tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác; phạt bị cáo Lưu Ngọc T4 từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự phạt các bị cáo Hà Minh T, Trần Văn T1, Trần Minh T2 và Nguyễn Văn T3 mỗi bị cáo từ 03 triệu đến 05 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước; áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước 8.440.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc; tịch thu sung quỹ Nhà nước 03 điện thoại di động của T, T3, T2 do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; tịch thu tiêu hủy 81 quân bài chắn, 01 đĩa sứ trắng viền vàng, 01 chiếc cối đôi là công cụ phạm tội; trả lại cho bị cáo T4 01 điện thoại di động không liên quan đến việc phạm tội nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Căn cứ chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố, các bị cáo khai nhận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại nhà ở của Trần Văn T1 thuộc tổ dân phố T, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, T1 đã đồng ý cho Hà Minh T, Trần Minh T2, Nguyễn

Văn T3 và Lưu Văn T4 đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi chắn, để T1 thu tiền hồ. Các bị cáo T, T2, T3 và T4 chơi đến 11 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an tỉnh Vĩnh Phúc bắt quả tang thu giữ toàn bộ tang vật. Tổng số tiền các bị cáo dùng để tham gia đánh bạc là 8.440.000 đồng (Tám triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của các bị cáo Hà Minh T, Trần Văn T1, Trần Minh T2, Nguyễn Văn T3 và Lưu Ngọc T4 phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự; có khung hình phạt tiền từ năm triệu đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

Xét tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý các bị cáo trước pháp luật để răn đe giáo dục chung.

Xét vai trò, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo thấy rằng:

Đối với bị cáo Hà Minh T: Tuy bị cáo thực hiện với vai trò là người rủ rê, khởi xướng nhưng trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bản thân bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; bị cáo có bố là ông Hà Minh Thứ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhì và Huy chương Chiến sỹ giải phóng; bản thân có chỗ ở ổn định và nơi cư trú rõ ràng. Ngoài những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự nêu trên, xét về điều kiện hoàn cảnh thực tế của bị cáo thấy rằng: Hiện tại bị cáo đang là lao động duy nhất trong gia đình, bố đẻ bị cáo bị lâm bệnh do ảnh hưởng của chiến tranh hiện đã chết, mẹ bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo liên tục phải điều trị bệnh tại Bệnh viện, em gái bị cáo bị ảnh hưởng chất độc màu da cam từ bố bị cáo hiện nay bị khèo tay, thọt chân không có khả năng lao động được. Nếu bị cáo đi chấp hành án tại Trại giam thì gia đình bị cáo gặp rất nhiều khó khăn, do đó cần xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật bằng hình thức phạt tù cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách cũng giúp bị cáo cải tạo trở thành người có ích.

Đối với bị cáo Trần Văn T1 và Trần Minh T2: Bị cáo T1 không tham gia trực tiếp chơi bạc, mà phạm tội với vai trò là đồng phạm giúp sức tạo điều kiện cho các con bạc chơi bạc tại nhà ở của mình mục đích để thu tiền hồ; bị cáo T2 thực hiện với vai trò là đồng phạm. Trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân không tốt, bị cáo T1 năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 03 tháng tù về tội đánh bạc (đã được xóa án tích); bị cáo T2 năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, về tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ và năm 2012 bị

Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 03 tháng tù về tội đánh bạc (đã được xóa án tích). Tuy trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân không tốt nhưng quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; bị cáo T1 có bố là ông Trần Văn T7 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba; bị cáo T2 bản thân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2013 ngày 06 tháng 11 năm 2013, Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn: Trường hợp người phạm tội có án tích nhưng đã được xóa án tích thì coi như chưa bị kết án. Do vậy, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xử phạt các bị cáo mức án bằng thời gian tạm giam cũng đủ điều kiện răn đe giáo dục các bị cáo và trả tự do cho các bị cáo ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về tội phạm nào khác.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T3: Được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đó là bị cáo có bố là ông Nguyễn Xuân T9 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất và Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba; bị cáo thực hiện với vai trò là đồng phạm. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có chỗ ở ổn định và nơi cư trú rõ ràng; do đó cần xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật bằng hình thức phạt tù cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú để quản lý giáo dục trong thời gian thử thách, cũng giúp bị cáo cải tạo trở thành người có ích.

Đối với bị cáo Lưu Ngọc T4: Bị cáo được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có chỗ ở ổn định và nơi cư trú rõ ràng bị cáo hiện tại đang là cán bộ ban quản lý khu di tích Đại Lải. Bị cáo thực hiện với vai trò đồng phạm, tham gia đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền; do vậy, cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo.

Trong vụ án này, số tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc không nhiều, thời gian các bị cáo tham gia chơi bạc ngắn. Do đó cần xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và xử phạt các bị cáo với mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ của từng bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hà Minh T, Trần Văn T1, Trần Minh T2 và Nguyễn Văn T3 như đề nghị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về vật chứng của vụ án: Đối với vật chứng là công cụ phạm tội như 81 quân bài chắn; 01 đĩa sù; 01 chiếc chiếu cói đôi xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy; đối với số tiền 8.440.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và tài sản liên quan đến việc phạm tội 01 điện thoại di

động nhãn hiệu Lenovo của T; 01 điện thoại di động Iphone 4 của T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG của T3 cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước; đối với chiếc điện thoại di động của T4 mà Cơ quan điều tra đã thu giữ, không sử dụng vào việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hà Minh T, Trần Văn T1, Trần Minh T2, Nguyễn Văn T3 và Lưu Ngọc T4 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Minh T 05 (Năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; khoản 5 Điều 227 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 03 (Ba) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 03 tháng 8 năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T2 03 (Ba) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 03 tháng 8 năm 2017.

Trả tự do cho bị cáo Trần Văn T1, Trần Minh T2 tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 30 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Ngọc T4 15 (Mười lăm) triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Hà Minh T cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T3 cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay

đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự: Phạt các bị cáo Hà Minh T, Trần Văn T1, Trần Minh T2 và Nguyễn Văn T3 mỗi bị cáo 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu các bị cáo chưa nộp đủ số tiền phạt thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 81 quân bài chắn; 01 đĩa sứ trắng viền vàng; 01 chiếc chiếu cói đôi đã cũ.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 8.440.000 đồng (Tám triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước của Hà Minh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo; của Trần Minh T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4; của Nguyễn Văn T3 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG.

Trả lại cho Lưu Ngọc T4 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tất cả các vật chứng và số tiền nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về lệ phí, án phí Tòa án: Buộc các bị cáo Hà Minh T, Trần Văn T1, Trần Minh T2, Nguyễn Văn T3 và Lưu Ngọc T4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Công an huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA-VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Lan

